

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Dũng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M** – sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn x, xã Đ.P, huyện C.T, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn L** – sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp y, xã Đ.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.L, huyện Tân Phú. Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi do không hòa hợp, anh L thường đi chơi vắng nhà, tụ tập rượu chè với bạn bè chứ không quan tâm đến gia đình. Anh chị đã tự hòa giải nhưng không thành, chị khuyên can và cho anh cơ hội nhưng anh vẫn không thay đổi mà còn nhiều lần có hành vi đánh đập, đe dọa giết chị và đuổi chị ra khỏi nhà vào ngày 21/6/2020, sau đó anh còn nhắn tin hăm dọa nên từ đó chị không dám về nhà, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh.

- Về nuôi con: Anh chị có con chung là Nguyễn Tấn P – sinh ngày 15/5/2020. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời chưa yêu cầu anh phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị M trình bày chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi cho đến ngày 21/6/2020 thì chị M đã bỏ nhà đi. Chị yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện C.T, tỉnh Lâm Đồng.

- Về nuôi con: Anh chị có con chung là Nguyễn Tấn P – sinh ngày 15/5/2020. Nếu trường hợp ly hôn, anh yêu cầu Tòa án xem xét giao cho anh nuôi con, tạm thời chưa yêu cầu chị phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh L trình bày anh và chị M không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Về hôn nhân: Cho chị M được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp nuôi con chung, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Tấn L có nơi cư trú tại xã Đ.L, huyện Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh L, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị M là nguyên đơn và anh L là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.L, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 04/10/2019. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Các đương sự thừa nhận bày có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi. Anh chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cự cãi, sau đó anh chị đã không còn chung sống từ tháng 6/2020. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh L cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ; đồng thời do không tiến hành hòa giải được nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị M và anh L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị M yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tấn P – sinh ngày 15/5/2020, tạm thời chưa yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống, bản thân chị có nghề nghiệp là bán hàng online với thu nhập khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)/tháng nhưng không có hóa đơn chứng từ nên không cung cấp được cho Tòa án, tuy nhiên cuộc sống kinh tế đủ khả năng nuôi dưỡng con chung; tuy nhiên chị trình bày bị anh đánh đập, hù dọa chưa dám về nhà nên con chung do ông bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; các đương sự đều có nguyện vọng yêu cầu nuôi dưỡng con chung, nhưng hiện nay anh đang bị tạm giam và chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện C.T, tỉnh Lâm Đồng, đồng thời đối với con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét

xử xét thấy yêu cầu về nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tấn P – sinh ngày 15/5/2020, tạm thời anh L chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Tấn L trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003913 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ.L, huyện Tân Phú (Số 47, ngày 04/10/2019) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)****Nguyễn Thanh Tùng**